

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/DS-ST
Ngày 17-8-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979.

Cư trú tại: Khu phố 5, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Chí Ng, sinh năm 1995; Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 02/3/2023 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Thiện N, sinh năm 1985 và bà Trần Chúc M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2023 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày yêu cầu khởi kiện:

Trước đây bà Đ đã nhiều lần mua mực tươi của ông N và bà M để bán lại kiếm lời, đến ngày 31/01/2023 bà Đ có đặt mua 675kg mực tươi của ông N và bà M với giá 110.000 đồng/kg, với số tiền 74.250.000 đồng, bà Đ đã chuyển khoản thanh toán trước cho ông N và bà M với số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nhận

được hàng (mực tươi) thì sẽ trả đủ cho ông N và bà M. Sau khi nhận tiền thì ông N và bà M không giao hàng (mực tươi) cho bà Đ nên nhiều lần bà Đ yêu cầu ông N và bà M giao hàng (mực tươi) cho bà Đ nhưng ông N và bà M chỉ hứa hẹn mà không giao mực tươi, cũng như không chuyển trả tiền lại cho bà Đ. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và mời hòa giải thì phía vợ chồng ông N và bà M có trả cho bà Đ 03 lần với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Nay bà Đ yêu cầu vợ chồng ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M cùng có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả cho bà Đ số tiền còn lại là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không tính lãi suất.

Bị đơn ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu như trình bày trên. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M hợp lệ 02 lần nhưng ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M là đúng với quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M yêu cầu trả lại số tiền còn nợ, không tính lãi suất nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Đòi lại tài sản.

Bị đơn ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M có địa chỉ cư trú tại ấp Sở Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với ông N và bà M: Bà Đ yêu cầu ông N và bà M trả lại số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không tính lãi suất. Xét thấy, việc bà Đ có chuyển tiền cho vợ chồng ông N, bà M để đặt mua mực tươi với số lượng lớn là thực tế có xảy ra vì bà Đ có cung cấp phiếu báo chuyển khoản cho bà Trần Chúc M ngày 31/01/2023 với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là có căn cứ. Mặc khác, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà vợ chồng ông N, bà M không có văn bản thể

hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà Đ và Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng vợ chồng ông N, bà M vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì phía vợ chồng ông N, bà M có chuyển khoản trả lại cho bà Đ được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), cụ thể: Ngày 01/3/2023 chuyển trả 10.000.000 đồng, ngày 07/3/2023 chuyển trả 5.000.000 đồng và ngày 30/3/2023 chuyển trả 5.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định bà Đ có chuyển tiền cho vợ chồng ông N, bà M để đặt mua mực tươi với số lượng lớn nhưng sau khi chuyển tiền thì vợ chồng ông N, bà M không giao mực tươi như thỏa thuận nên bà Đ khởi kiện bà vợ chồng ông N, bà M đòi lại số tiền đã chuyển cho vợ chồng ông N, bà M để mua mực là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ. Buộc vợ chồng ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bà Đ không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N và bà M chậm thanh toán tiền thì hàng tháng ông N và bà M còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận toàn bộ nên ông N và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền 30.000.000 đồng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ có dự nộp tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008870 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, 264, 266, 267, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc vợ chồng ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N và bà M chậm thanh toán tiền thì hàng tháng ông N và bà M còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% vợ chồng ông Lâm Thiện N và bà Trần Chúc M phải chịu nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ có dự nộp tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008870 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tạo